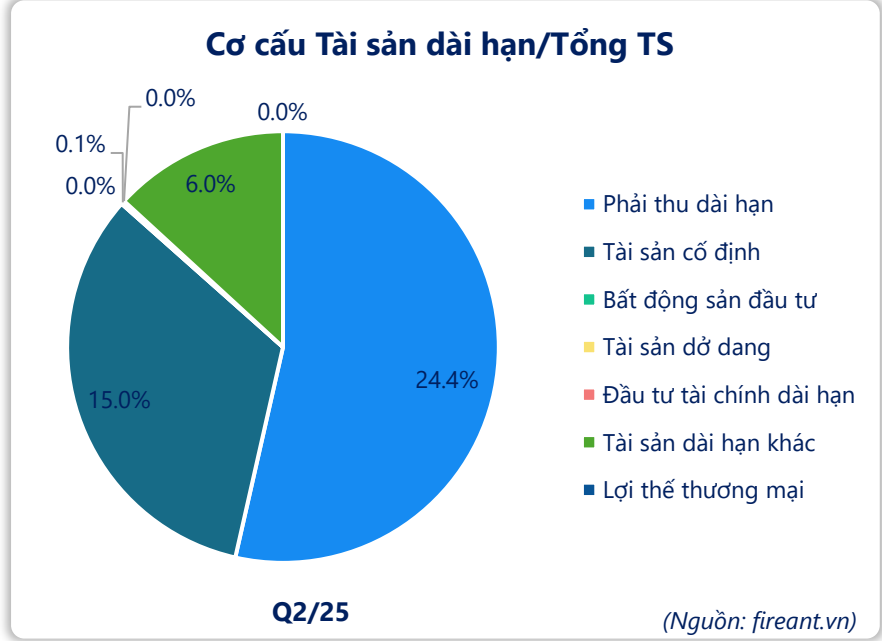
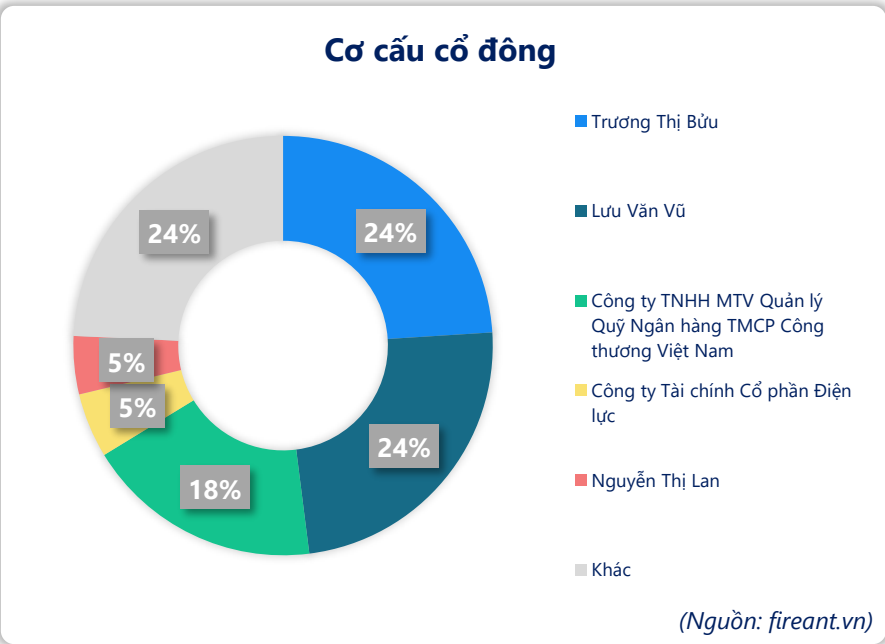
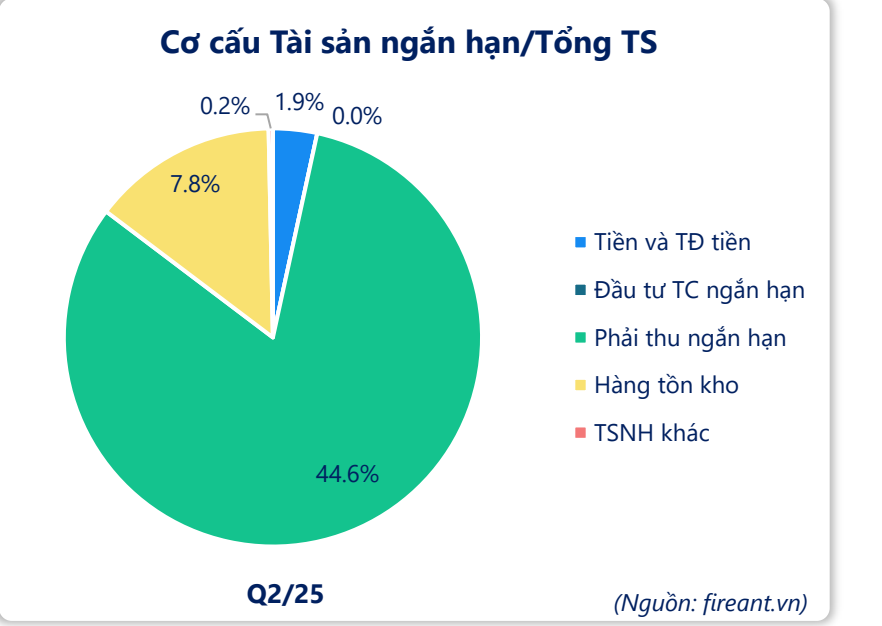
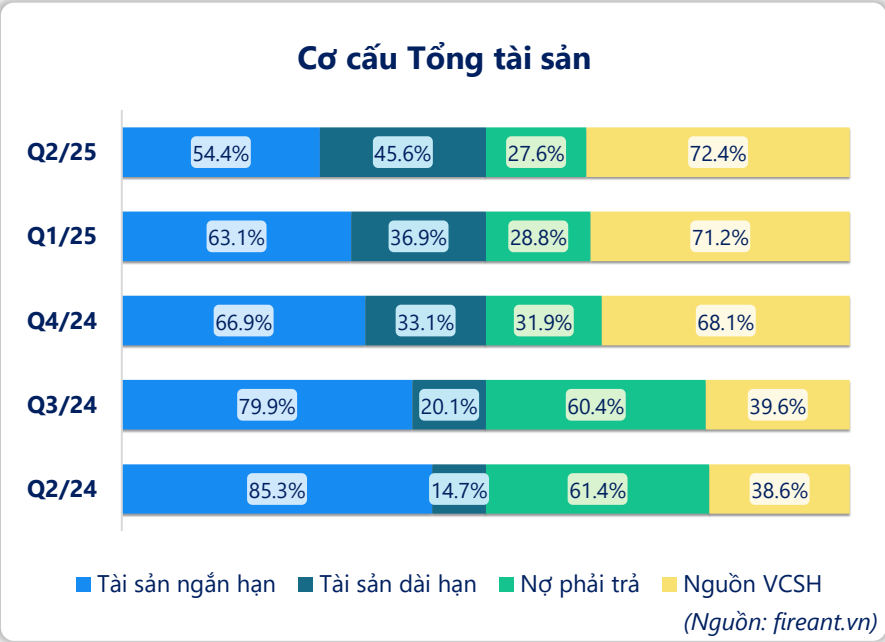
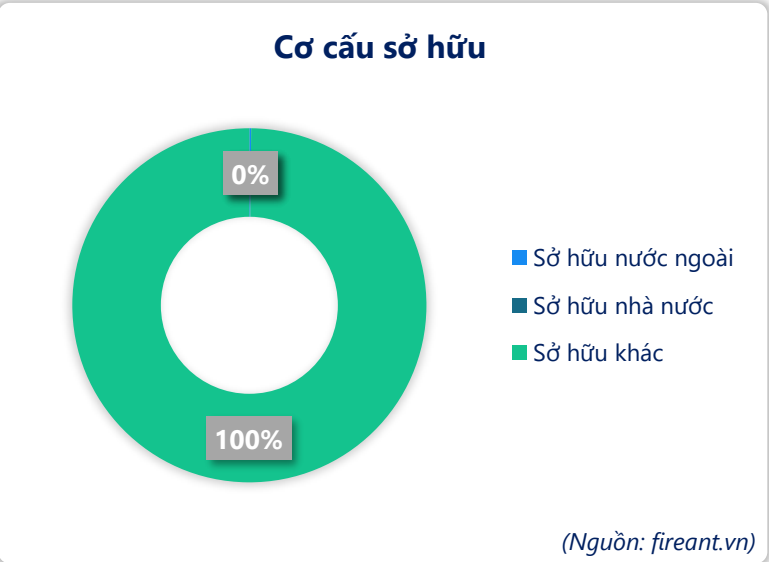
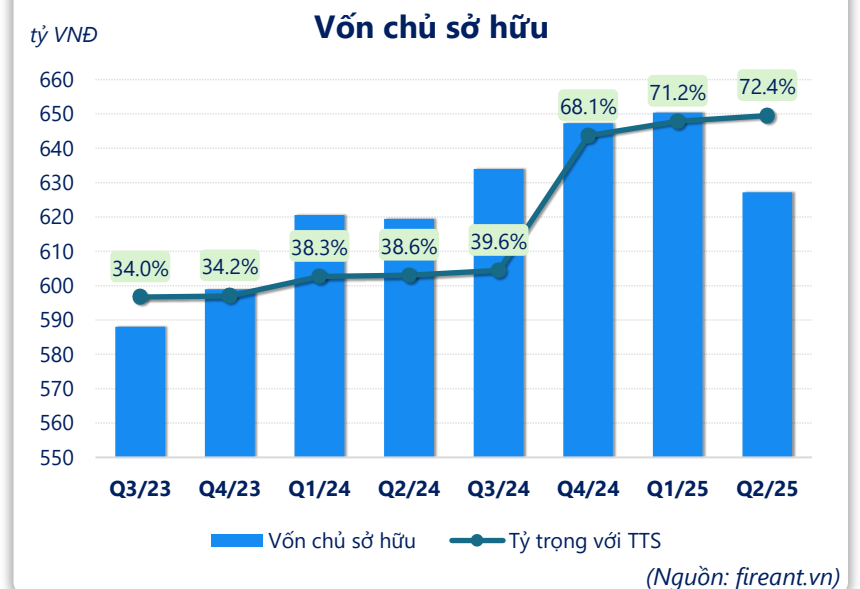
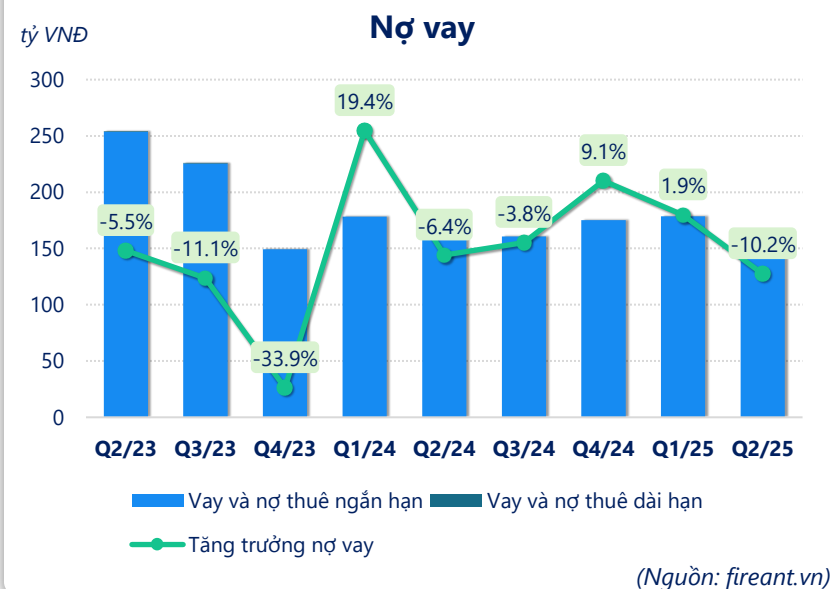
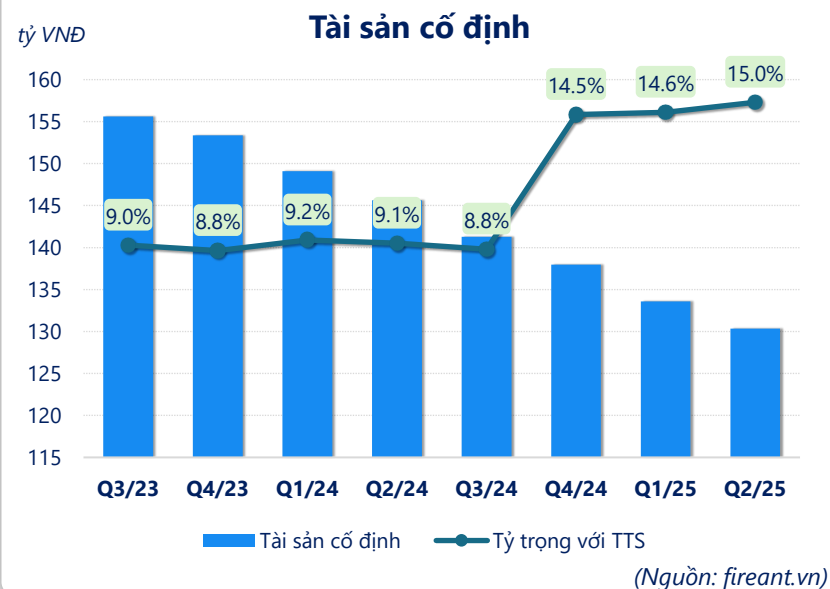
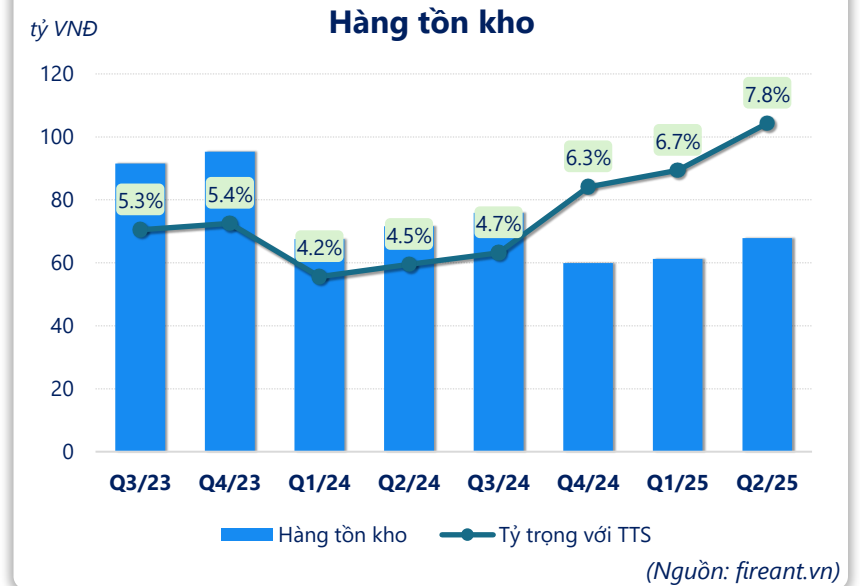
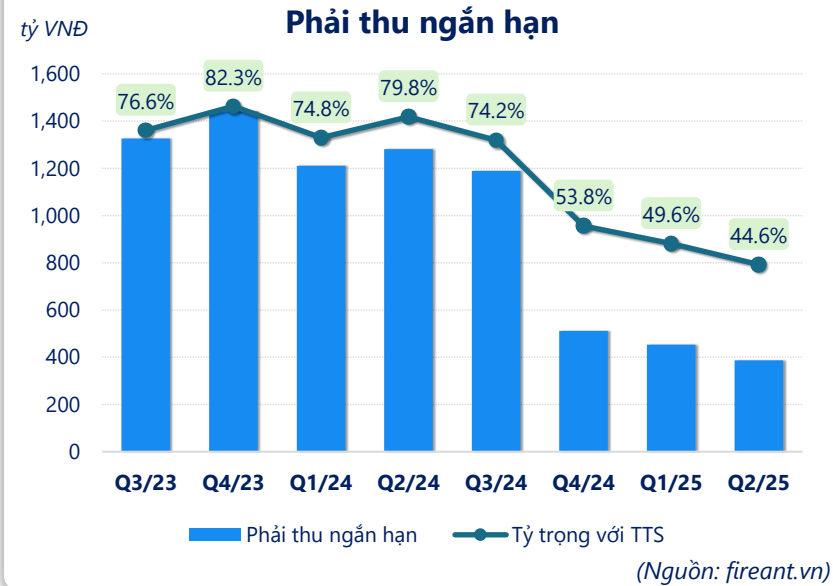
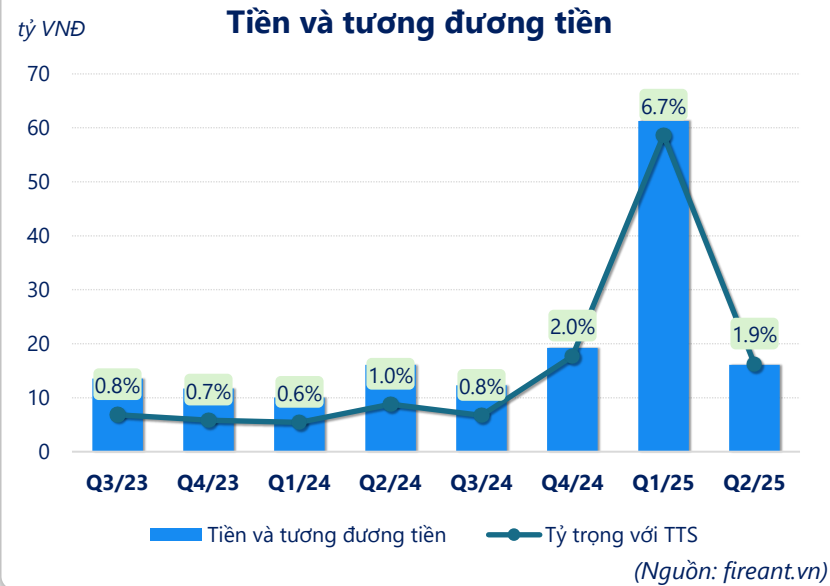


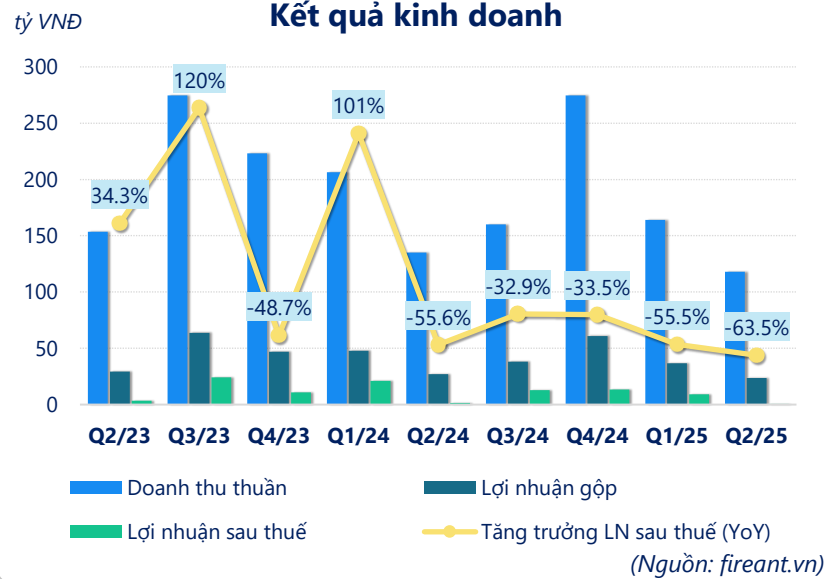
Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		136,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		145,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		103,000
SL cổ phiếu LH		16,425,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		680
% sở hữu nước ngoài		0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		2,249
P/E		62.3
EPS		2,197

	YTD	1T	3T	6T
HHC	4.8%	4.0%	4.0%	-2.2%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%

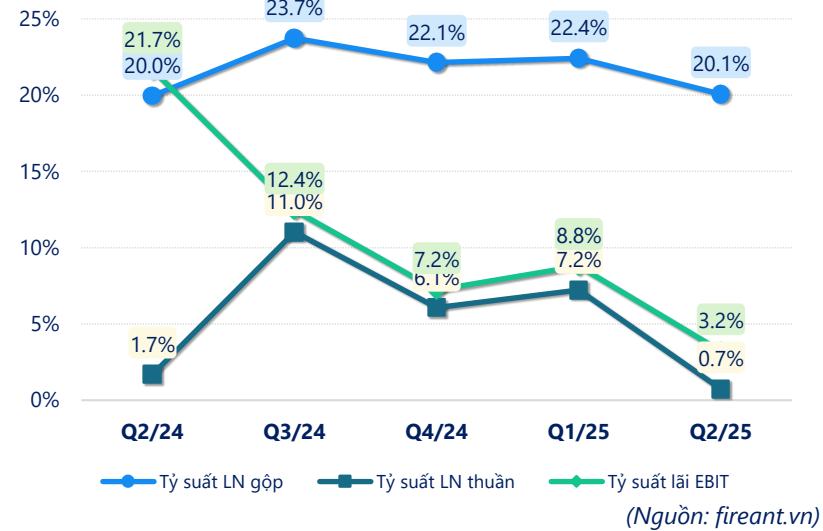




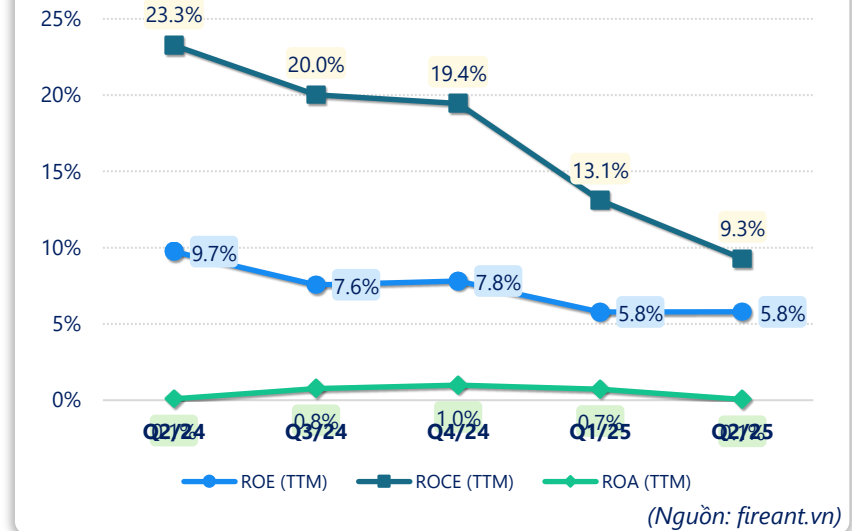
Kết quả kinh doanh



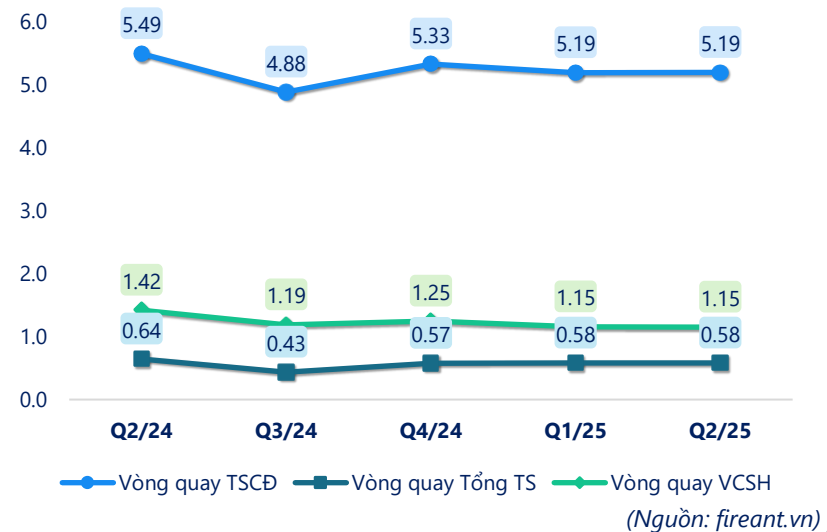
Tỷ suất lợi nhuận



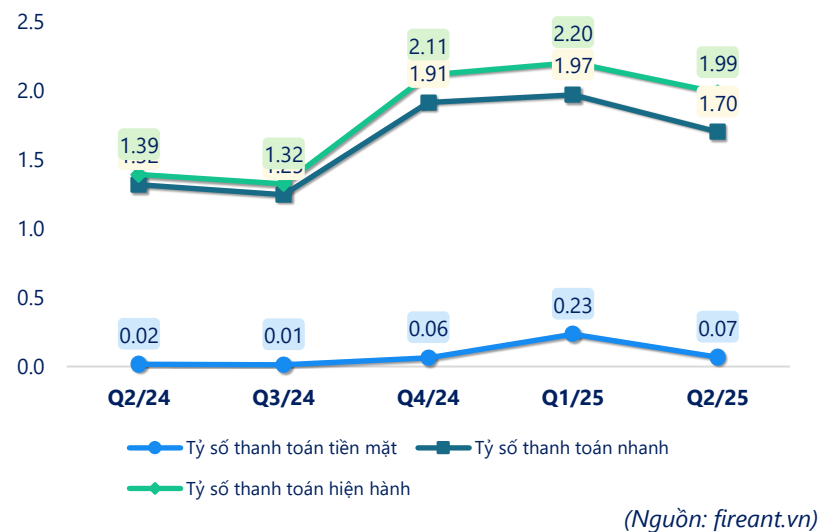
Tỷ suất sinh lợi



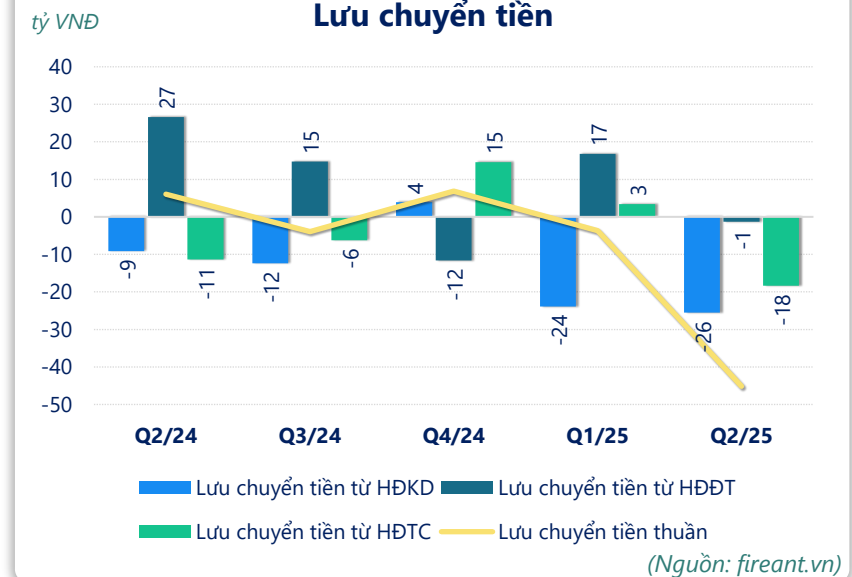
Vòng quay tài sản



Chỉ số thanh khoản



Lưu chuyển tiền



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	867	942	-8.0%
Tài sản ngắn hạn	472	699	-32.5%
Tiền và tương đương tiền	16.1	64.8	-75.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	386	574	-32.7%
Hàng tồn kho	67.8	59.6	13.8%
Tài sản ngắn hạn khác	1.56	0.33	370%
Tài sản dài hạn	395	244	62.1%
Phải thu dài hạn	211	62.5	239%
Tài sản cố định	130	138	-5.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1.06	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	52.0	43.2	20.5%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	239	301	-20.5%
Nợ ngắn hạn	238	299	-20.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	160	175	-8.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	8.18	19.1	-57.3%
Nợ dài hạn	1.88	1.91	-1.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	627	641	-2.2%
Vốn chủ sở hữu	627	641	-2.2%
Vốn điều lệ	164	164	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	135	160	275	164	118
Giá vốn hàng bán	108	122	214	127	94.3
Lợi nhuận gộp	26.9	38.0	60.8	36.8	23.7
Doanh thu HĐTC	35.9	8.31	8.43	11.1	11.4
Chi phí TC	27.5	0.02	0.15	3.00	3.00
Chi phí lãi vay	27.5	2.91	3.12	2.91	2.98
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	23.3	19.9	36.1	21.2	21.2
Chi phí QLDN	9.76	8.75	16.3	11.8	10.0
LN thuần từ HĐKD	2.28	17.7	16.7	11.9	0.86
Lợi nhuận khác	-0.49	-0.64	0.06	-0.33	-0.04
LN trước thuế	1.78	17.0	16.7	11.5	0.81
Lợi nhuận sau thuế	1.32	12.9	13.4	9.17	0.64
LNST của CĐ cty mẹ	1.32	12.9	13.4	9.17	0.64

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-9.13	-12.4	3.93	-23.9	-25.5
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	26.6	14.7	-11.6	16.8	-1.31
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-11.4	-6.27	14.6	3.41	-18.3
Tiền đầu kỳ	10.1	16.1	12.3	64.8	61.2
Lưu chuyển tiền thuần	6.06	-3.95	6.86	-3.68	-45.2
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.12	0.09	0.09	-0.01
Tiền cuối kỳ	16.1	12.3	19.2	61.2	16.1

(Nguồn: fireant.vn)